

BẢN THỎA THUẬN
THÚC ĐẨY THƯƠNG MẠI SONG PHƯƠNG
GIỮA
CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ
CHÍNH PHỦ VƯƠNG QUỐC CAM-PU-CHIA

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Cam-pu-chia, sau đây được gọi tắt là “các Bên ký kết”;

Căn cứ Tuyên bố chung Việt Nam - Cam-pu-chia giữa Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Thủ tướng Chính phủ Vương quốc Cam-pu-chia ký ngày 10 tháng 10 năm 2005 tại Hà Nội về việc hai nước thỏa thuận sớm đưa ra chính sách ưu đãi thuế quan cho hàng hóa xuất xứ từ mỗi nước;

Nhắc lại Bản Thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Cam-pu-chia ký ngày 02 tháng 6 năm 2023 tại Hà Nội, và;

Nhằm thúc đẩy hơn nữa quan hệ thương mại giữa hai nước, đặc biệt thương mại hàng hóa nông sản, thủy sản và sản phẩm công nghiệp với mục tiêu cải thiện đời sống của người dân và đóng góp vào sự phát triển kinh tế bền vững của mỗi nước;

Hai Bên đã thỏa thuận như sau:

Điều 1

1.1. Bản Thỏa thuận này quy định danh mục những mặt hàng có xuất xứ từ một Bên ký kết được hưởng ưu đãi thuế quan khi nhập khẩu trực tiếp vào lãnh thổ của Bên ký kết kia.

1.2. Ngoài những quy định cụ thể tại Bản Thỏa thuận này, các mặt hàng có xuất xứ từ mỗi Bên ký kết, khi nhập khẩu vào lãnh thổ của Bên ký kết kia, phải tuân thủ các quy định khác về xuất khẩu, nhập khẩu của Bên ký kết kia, giống như hàng hoá buôn bán thông thường qua biên giới giữa hai nước.



Điều 2

2.1. Tất cả các mặt hàng có xuất xứ từ Vương quốc Cam-pu-chia, nêu tại Phụ lục I của Bản Thỏa thuận này, khi nhập khẩu vào lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đều được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt bằng 0%. Riêng số lượng được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt bằng 0% đối với các mặt hàng gạo và lá thuốc lá khô, được quy định tại Điều 3 và Điều 4 dưới đây.

2.2. Tất cả các mặt hàng có xuất xứ từ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nêu lại Phụ lục II của Bản Thỏa thuận này, khi nhập khẩu vào lãnh thổ Vương quốc Cam-pu-chia, đều được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt bằng 0%.

2.3. Đối với hàng nông sản chưa qua chế biến do phía Việt Nam đầu tư, trồng tại Cam-pu-chia nhập khẩu về Việt Nam thì áp dụng theo các quy định và văn bản pháp luật có liên quan của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Cam-pu-chia. Số lượng các mặt hàng này không tính vào số lượng nêu tại Điều 3 và Điều 4 dưới đây.

2.4. Đối với hàng nông sản có xuất xứ từ Cam-pu-chia do các doanh nghiệp Việt Nam nhập khẩu về Việt Nam để tái xuất đi các thị trường khác, sẽ được áp dụng theo cơ chế tạm nhập tái xuất của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, và các Hiệp định khu vực và quốc tế mà hai Bên tham gia ký kết và không tính vào số lượng nêu tại Điều 3 và Điều 4 dưới đây.

Điều 3

Đối với mặt hàng gạo:

3.1. Các mặt hàng gạo nêu trong Phụ lục I của Bản Thỏa thuận được hưởng ưu đãi thuế suất thuế nhập khẩu 0% theo hạn ngạch.

3.2. Số lượng gạo có xuất xứ từ Vương quốc Cam-pu-chia được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt bằng 0% theo Bản Thỏa thuận này được quy định như sau:

- Năm 2025: 300.000 tấn gạo.
- Năm 2026: 300.000 tấn gạo.

3.3. Hai Bên quy định tỷ lệ quy đổi: 2 kg thóc = 1 kg gạo.

Điều 4

Đối với mặt hàng lá thuốc lá khô:

4.1. Các mặt hàng lá thuốc lá khô là đối tượng được hưởng ưu đãi thuế suất 0% và trong hạn ngạch theo Bản Thỏa thuận này, bao gồm các mặt hàng lá thuốc lá khô được nêu trong Phụ lục I.

4.2. Số lượng lá thuốc lá khô có xuất xứ từ Vương quốc Cam-pu-chia được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt bằng 0% theo Bản Thỏa thuận này được quy định như sau:

- Năm 2025: 3.000 tấn lá thuốc lá khô.
- Năm 2026: 3.000 tấn lá thuốc lá khô.

Điều 5

Hai Bên sẽ áp dụng mã số HS tại Phụ lục I và Phụ lục II theo Danh mục biểu thuế quan hài hòa ASEAN (AHTN) 2022.

Điều 6

Định kỳ trước ngày 20 tháng 12 hàng năm, hai Bên sẽ đối chiếu số liệu thực hiện hạn ngạch hàng năm quy định tại Điều 3 và Điều 4 trên đây. Trong trường hợp lượng nhập khẩu thực tế mỗi năm vào Việt Nam không đủ số lượng hạn ngạch quy định, Bộ Thương mại Vương quốc Cam-pu-chia có thể gửi văn bản cho Bộ Công Thương nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đề nghị phía Việt Nam xem xét khả năng cho phép các doanh nghiệp Cam-pu-chia sử dụng lượng hạn ngạch còn lại trong năm tiếp theo.

Điều 7

Việc nhập khẩu lá thuốc lá khô quy định tại Điều 4 của Bản Thỏa thuận này được thực hiện như sau:

7.1. Trường hợp lượng nhập khẩu thực tế vào Việt Nam nằm trong số lượng nhập khẩu quy định tại khoản 4.2, Điều 4 của Bản Thỏa thuận này, thì áp dụng thuế suất nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo quy định của Bản Thỏa thuận này;

7.2. Trường hợp lượng nhập khẩu thực tế vào Việt Nam vượt số lượng nhập khẩu quy định tại khoản 4.2 Điều 4 của Bản Thỏa thuận này, nhưng vẫn nằm trong

tổng mức hạn ngạch chung, và đảm bảo các điều kiện quy định trong các văn bản pháp quy hiện hành của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về lượng hạn ngạch thuế quan, thì áp dụng thuế suất nhập khẩu quy định tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi hiện hành của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam:

7.3. Trường hợp lượng nhập khẩu thực tế vào Việt Nam vượt số lượng nhập khẩu quy định tại khoản 4.2 Điều 4 của Bản Thỏa thuận này, và vượt tổng mức hạn ngạch chung hoặc không đảm bảo các điều kiện quy định trong các văn bản pháp quy hiện hành của nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về lượng hạn ngạch thuế quan, thì phần vượt áp dụng theo mức thuế suất ngoài hạn ngạch quy định trong các văn bản pháp quy hiện hành của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 8

Đối với hàng hóa là đối tượng điều chỉnh của Bản Thỏa thuận này, trừ hàng hóa quy định trong Điều 3 và Điều 4, khi khối lượng nhập khẩu tăng đột biến và gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất trong nước của nước nhập khẩu, nước nhập khẩu có thể ngừng áp dụng thuế suất ưu đãi đặc biệt theo Bản Thỏa thuận này và áp dụng mức thuế suất theo biểu thuế của Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN (ASEAN Trade In Goods Agreement) hoặc theo quy định pháp luật của từng nước.

Điều 9

9.1. Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa cấp cho các mặt hàng được hưởng ưu đãi theo Phụ lục I của Bản Thỏa thuận này, nhập khẩu vào nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Giấy chứng nhận xuất xứ mẫu S. Giấy chứng nhận xuất xứ mẫu S phải được làm trên giấy khổ A4 tiêu chuẩn ISO, theo mẫu quy định tại Phụ lục IV kèm theo Bản Thỏa thuận này. Giấy chứng nhận xuất xứ mẫu S được làm bằng tiếng Anh.

9.2. Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa cấp cho các mặt hàng được hưởng ưu đãi theo Phụ lục II của Bản Thỏa thuận này nhập khẩu vào Vương quốc Cam-pu-chia là Giấy chứng nhận xuất xứ mẫu X. Giấy chứng nhận xuất xứ mẫu X phải được làm trên giấy khổ A4 tiêu chuẩn ISO, theo mẫu quy định tại Phụ lục V kèm theo Bản Thỏa thuận này. Giấy chứng nhận xuất xứ mẫu X được làm bằng tiếng Anh.



9.3. Cơ quan cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa cho các mặt hàng được hưởng ưu đãi theo Bản Thỏa thuận này tương ứng ở mỗi nước là Bộ Công Thương nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Bộ Thương mại Vương quốc Cam-pu-chia và cơ quan được Bộ Công Thương nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc Bộ Thương mại Vương quốc Cam-pu-chia ủy quyền nếu có.

9.4. Để tạo thuận lợi cho hàng hóa được hưởng ưu đãi thuế quan theo Bản Thỏa thuận này, Bộ Công Thương nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Bộ Thương mại Vương quốc Cam-pu-chia đã thống nhất và sẽ áp dụng những quy định phù hợp trong chương 3 (Quy tắc xuất xứ) của Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA) và các phụ lục liên quan.

9.5. Để tạo thuận lợi cho hàng hóa được hưởng ưu đãi thuế quan theo Bản Thỏa thuận này, Bộ Công Thương nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Bộ Thương mại Vương quốc Cam-pu-chia nhất trí phối hợp chặt chẽ, sớm công nhận chứng nhận xuất xứ điện tử và tự chứng nhận xuất xứ của mỗi Bên trong thời gian tới.

Điều 10

10.1. Danh sách các cửa khẩu thông quan cho các mặt hàng được hưởng ưu đãi theo Bản Thỏa thuận được nêu tại Phụ lục III của Bản Thỏa thuận này.

10.2. Danh sách các cửa khẩu nêu tại Phụ lục III có thể được sửa đổi, bổ sung theo sự nhất trí chung của các Bên ký kết và là một phần không thể tách rời của Bản Thỏa thuận.

Điều 11

Bản Thỏa thuận này có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2026.

Điều 12

12.1. Trong quá trình thực hiện Bản Thỏa thuận này, nếu nảy sinh vướng mắc, Bộ Công Thương nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Bộ Thương mại Vương quốc Cam-pu-chia sẽ cùng tích cực phối hợp giải quyết thông qua thương lượng.



12.2. Các Bên ký kết sẽ rà soát và cập nhật các Phụ lục I và Phụ lục II trong vòng 06 tháng hoặc một năm theo sự đồng ý của cả hai Bên. Các Bên ký kết cũng tổ chức một cuộc họp hàng năm để rà soát việc thực hiện Bản Thỏa thuận này.

Điều 13

Mỗi Bên sẽ xúc tiến các công việc cần thiết để các cơ quan có thẩm quyền có thể triển khai, thực hiện các nội dung được ghi trong Bản Thỏa thuận này.

Làm tại Hà Nội vào ngày 28 tháng 4 năm 2025 thành hai (02) bản gốc, mỗi bản bằng tiếng Việt, tiếng Khơ-me và tiếng Anh, tất cả các văn bản đều có giá trị như nhau. Trong trường hợp có sự giải thích khác nhau, văn bản tiếng Anh sẽ được dùng làm cơ sở.

**THAY MẶT CHÍNH PHỦ
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI
CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**



NGUYỄN HỒNG DIÊN
Bộ trưởng Bộ Công Thương

**THAY MẶT CHÍNH PHỦ
VƯƠNG QUỐC CAM-PU-CHIA**



CHAM NIMUL
Bộ trưởng Bộ Thương mại

PHỤ LỤC I

DANH MỤC CÁC MẶT HÀNG CÓ XUẤT XỨ VƯƠNG QUỐC
CAM-PU-CHIA ĐƯỢC HƯỞNG THUẾ SUẤT THUẾ NHẬP KHẨU ƯU ĐÃI
ĐẶC BIỆT CỦA VIỆT NAM

STT	Mã mặt hàng (AHTN 2022)	Mô tả hàng hóa
	01.05	Gia cầm sống, gồm các loại gà thuộc loài <i>Gallus domesticus</i>, vịt, ngan, ngỗng, gà tây và gà lôi.
		- Loại trọng lượng không quá 185 g:
	0105.11	- - Gà thuộc loài <i>Gallus domesticus</i> :
1	0105.11.90	- - - Loại khác
	0105.99	- - Loại khác:
2	0105.99.20	- - - Vịt, ngan loại khác
	02.07	Thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ, của gia cầm thuộc nhóm 01.05, tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh.
		- Của gà thuộc loài <i>Gallus domesticus</i> :
3	0207.11.00	- - Chưa chặt mảnh, tươi hoặc ướp lạnh
4	0207.12.00	- - Chưa chặt mảnh, đông lạnh
5	0207.13.00	- - Đã chặt mảnh và phụ phẩm sau giết mổ, tươi hoặc ướp lạnh
	0207.14	- - Đã chặt mảnh và phụ phẩm sau giết mổ, đông lạnh:
6	0207.14.10	- - - Cánh
7	0207.14.20	- - - Đùi
8	0207.14.30	- - - Gan
		- - - Loại khác:
9	0207.14.91	- - - - Thịt đã được lọc hoặc tách khỏi xương bằng phương pháp cơ học
10	0207.14.99	- - - - Loại khác
	08.05	Quả thuộc chi cam quýt, tươi hoặc khô.
	0805.50	- Quả chanh vàng (lemon) (<i>Citrus limon</i> , <i>Citrus limonum</i>) và quả chanh xanh (chanh ta <i>Citrus aurantifolia</i> , chanh không hạt <i>Citrus latifolia</i>):
11	0805.50.10	- - Quả chanh vàng (lemon) (<i>Citrus limon</i> , <i>Citrus limonum</i>)
12	0805.50.20	- - Quả chanh xanh (chanh ta <i>Citrus aurantifolia</i> , chanh không hạt <i>Citrus latifolia</i>)

STT	Mã mặt hàng (AHTN 2022)	Mô tả hàng hóa
13	0805.90.00	- Loại khác
	10.06	Lúa gạo.
	1006.10	- Thóc:
14	1006.10.10	- - Phù hợp để gieo trồng
15	1006.10.90	- - Loại khác
	1006.20	- Gạo lứt:
16	1006.20.10	- - Gạo Hom Mali
17	1006.20.90	- - Loại khác
	24.01	Lá thuốc lá chưa chế biến; phế liệu lá thuốc lá.
	2401.10	- Lá thuốc lá chưa tước cọng:
18	2401.10.10	- - Loại Virginia, đã sấy bằng không khí nóng (flue-cured)
19	2401.10.20	- - Loại Virginia, trừ loại sấy bằng không khí nóng
20	2401.10.40	- - Loại Burley
21	2401.10.50	- - Loại khác, được sấy bằng không khí nóng
22	2401.10.90	- - Loại khác
	2401.20	- Lá thuốc lá, đã tước cọng một phần hoặc toàn bộ:
23	2401.20.10	- - Loại Virginia, đã sấy bằng không khí nóng (flue-cured)
24	2401.20.20	- - Loại Virginia, trừ loại sấy bằng không khí nóng
25	2401.20.30	- - Loại Oriental
26	2401.20.40	- - Loại Burley
27	2401.20.50	- - Loại khác, được sấy bằng không khí nóng (flue-cured)
28	2401.20.90	- - Loại khác

PHỤ LỤC II

DANH MỤC CÁC MẶT HÀNG CÓ XUẤT XỨ VIỆT NAM ĐƯỢC HƯỞNG THUẾ SUẤT THUẾ NHẬP KHẨU ƯU ĐÃI ĐẶC BIỆT CỦA VƯƠNG QUỐC CAM-PU-CHIA

STT	Mã mặt hàng (AHTN 2022)	Mô tả hàng hóa
	02.07	Thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ, của gia cầm thuộc nhóm 01.05, tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh.
		- Của gà thuộc loài <i>Gallus domesticus</i> :
1	0207.11.00	- - Chưa chặt mảnh, tươi hoặc ướp lạnh
2	0207.12.00	- - Chưa chặt mảnh, đông lạnh
3	0207.13.00	- - Đã chặt mảnh và phụ phẩm sau giết mổ, tươi hoặc ướp lạnh
	0207.14	- - Đã chặt mảnh và phụ phẩm sau giết mổ, đông lạnh:
4	0207.14.10	- - - Cánh
5	0207.14.20	- - - Đùi
6	0207.14.30	- - - Gan
		- - - Loại khác:
7	0207.14.91	- - - - Thịt đã được lọc hoặc tách khỏi xương bằng phương pháp cơ học
		- Của vịt, ngan:
8	0207.41.00	- - Chưa chặt mảnh, tươi hoặc ướp lạnh
9	0207.42.00	- - Chưa chặt mảnh, đông lạnh
10	0702.00.00	Cà chua, tươi hoặc ướp lạnh.
	07.04	Bắp cải, súp lơ, su hào, cải xoăn và cây họ bắp cải ăn được tương tự, tươi hoặc ướp lạnh.
	0704.10	- Súp lơ và súp lơ xanh:
11	0704.10.20	- - Đầu súp lơ xanh (headed broccoli)
	07.06	Cà rốt, củ cải, củ dền làm sa- lát, diếp củ (salsify), cần củ (celeriac), củ cải ri (radish) và các loại củ rễ ăn được tương tự, tươi hoặc ướp lạnh.
	0706.10	- Cà rốt và củ cải:
12	0706.10.20	- - Củ cải
13	0706.90.00	- Loại khác
14	0707.00.00	Dưa chuột và dưa chuột ri, tươi hoặc ướp lạnh.
	07.08	Rau đậu, đã hoặc chưa bóc vỏ, tươi hoặc ướp lạnh.
	0708.20	- Đậu hạt (<i>Vigna spp.</i> , <i>Phaseolus spp.</i>):
15	0708.20.10	- - Đậu Pháp
16	0708.20.20	- - Đậu dài

STT	Mã mặt hàng (AHTN 2022)	Mô tả hàng hóa
17	0708.20.90	- - Loại khác
	07.09	Rau khác, tươi hoặc ướp lạnh.
		- Loại khác:
18	0709.93.00	- - Quả bí ngô, quả bí và quả bầu (<i>Cucurbita spp.</i>)
	08.04	Quả chà là, sung, vả, dứa, bơ, ổi, xoài và măng cụt, tươi hoặc khô.
19	0804.30.00	- Quả dứa
	0804.50	- Quả ổi, xoài và măng cụt:
		- - Quả xoài:
20	0804.50.21	--- Tươi
21	0804.50.22	--- Khô
22	0804.50.30	- - Quả măng cụt
	08.05	Quả thuộc chi cam quýt, tươi hoặc khô.
	0805.10	- Quả cam:
23	0805.10.20	- - Khô
	08.07	Các loại quả họ dưa (kể cả dưa hấu) và đu đủ, tươi.
		- Các loại quả họ dưa (kể cả dưa hấu):
24	0807.11.00	- - Quả dưa hấu
25	0807.19.00	- - Loại khác

PHỤ LỤC III

DANH MỤC CÁC CẤP CỬA KHẨU ĐƯỢC PHÉP THÔNG QUAN CÁC MẶT HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI

STT	Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Vương quốc Cam-pu-chia
1	Lệ Thanh (tỉnh Gia Lai)	Ou Va Dav (tỉnh Ratanakiri)
2	Bu Prăng (tỉnh Đắk Nông)	Dak Dam (tỉnh Mondulakiri)
3	Đắk Peur (tỉnh Đắk Nông)	Nam Lear (tỉnh Mondulakiri)
4	Hoa Lư (tỉnh Bình Phước)	Trapeang Sre (tỉnh Kratie)
5	Hoàng Diệu (tỉnh Bình Phước)	Lapakhe (tỉnh Mondulakiri)
6	Lộc Thịnh (tỉnh Bình Phước)	Tonle Cham (tỉnh Tboung Khmum)
7	Mộc Bài (tỉnh Tây Ninh)	Bavet (Svay Rieng Province)
8	Xa Mát (tỉnh Tây Ninh)	Trapeang Plong (tỉnh Tboung Khmum)
9	Chàng Riệc (tỉnh Tây Ninh)	Da (tỉnh Tboung Khmum)
10	Kà Tum (tỉnh Tây Ninh)	Chan Mul (tỉnh Tboung Khmum)
11	Phước Tân (tỉnh Tây Ninh)	Bosmon (tỉnh Svay Rieng)
12	Vạc Sa (tỉnh Tây Ninh)	Doun Rodth (tỉnh Tboung Khmum)
13	Tân Nam (tỉnh Tây Ninh)	Meun Chey (tỉnh Prey Veng)
14	Bình Hiệp (tỉnh Long An)	Prey Vor (tỉnh Svay Rieng)
15	Mỹ Quý Tây (tỉnh Long An)	Samrong (tỉnh Svay Rieng)
16	Dinh Bà (tỉnh Đồng Tháp)	Banteay Chakrey (tỉnh Prey Veng)
17	Thường Phước (tỉnh Đồng Tháp)	Koh Roka (tỉnh Prey Veng)
18	Vĩnh Xương (tỉnh An Giang)	Ka-Orm Samnor (tỉnh Kandal)
19	Tịnh Biên (tỉnh An Giang)	Phnom Den (tỉnh Takeo)
20	Khánh Bình (tỉnh An Giang)	Chrey Thom (tỉnh Kandal)
21	Vĩnh Hội Đông (tỉnh An Giang)	Kampong Krosang (tỉnh Takeo)
22	Hà Tiên (tỉnh Kiên Giang)	Prek Chak (tỉnh Kampot)
23	Giang Thành (tỉnh Kiên Giang)	Ton Hon (tỉnh Kampot)

PHỤ LỤC IV
MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ HÀNG HÓA MÃ S
1 bản gốc và 03 bản sao (Original/Duplicate/Triplicate/Quadruplicate)

ORIGINAL

1. Goods consigned from (Exporter's business name, address, country) 2. Goods consigned to (Consignee's name, address, country)		Reference No. THE ARRANGEMENT ON BILATERAL TRADE ENHANCEMENT OF CAMBODIA AND VIETNAM CERTIFICATE OF ORIGIN (Combined Declaration and Certificate) FORM S Issued in CAMBODIA See Overleaf Notes			
3. Means of transport and route (as far as known) Departure date Truck's name/Aircraft etc. Port of Discharge		4. For Official Use ☐ Preferential Treatment Given Under the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Cambodia and Vietnam ☐ Preferential Treatment Not Given (Please state reason/s) Signature of Authorised Signatory of the Importing Country			
5. Item Number	6. Marks and numbers on packages	7. Number and type of packages, description of goods (including quantity where appropriate and HS number of the importing country at 8 digit)	8. Origin criterion (see Notes overleaf)	9. Gross weight or other quantity and value (FOB)	10. Number and date of invoices
11. Declaration by the exporter The undersigned hereby declares that the above details and statements are correct; that all the goods were produced in CAMBODIA and that they comply with the origin requirements specified for these goods in the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Cambodia and Vietnam for the goods exported to VIETNAM Place and date, signature of authorised signatory			12. Certification It is hereby certified, on the basis of control carried out, that the declaration by the exporter is correct. Place and date, signature and stamp of certifying authority		
13. ☐ Third-Country Invoicing ☐ Accumulation ☐ Partial Cumulation			☐ Exhibition ☐ De Minimis		

OVERLEAF NOTES

1. Parties which accept this form for the purpose of preferential treatment under the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Cambodia and Vietnam.

KINGDOM OF CAMBODIA

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

2. CONDITIONS: The main conditions for admission to the preferential treatment under the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Viet Cambodia and Viet Nam are that goods sent to any Party listed above must:
 - (i) fall within a description of products eligible for concessions in the Socialist Republic of Vietnam;
 - (ii) comply with the consignment conditions in accordance with the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Cambodia and Vietnam and
 - (iii) comply with the origin criteria set out in the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Cambodia and Vietnam.
3. ORIGIN CRITERIA: For goods that meet the origin criteria, the exporter and/or producer must indicate in Box 8 of this Form, the origin criteria met, in the manner shown in the following table:

Circumstances of production or manufacture in the first country named in Box 11 of this form	Insert in Box 8
(a) Goods satisfying the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Cambodia and Viet Nam (wholly obtained or produced in the exporting Party)	WO
(b) Goods satisfying the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Cambodia and Viet Nam (Non-wholly obtained)	
• Local Value Content	Percentage of Cambodia-Vietnam value content, example: LVC (40%)
• Change in Tariff Classification at four-digit level	CTH
(c) Goods satisfying the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Cambodia and Vietnam (Partial Cumulation)	"PC x%", where x would be the percentage of Cambodia-Vietnam value content of less than 40%, example "PC 25%"

4. EACH ARTICLE MUST QUALIFY: It should be noted that all the goods in a consignment must qualify separately in their own right. This is of particular relevance when similar articles of different sizes or spare parts are sent.
5. DESCRIPTION OF PRODUCTS: The description of products must be sufficiently detailed to enable the products to be identified by the Customs Officers examining them. Name of manufacturer, any trade mark shall also be specified.
6. HARMONISED SYSTEM NUMBER: The Harmonised System number shall be that of in ASEAN Harmonised Tariff Nomenclature (AHTN) Code of the importing Party.
7. EXPORTER: The term "Exporter" in Box 11 may include the company or the manufacturer or the producer.
8. FOR OFFICIAL USE: The Customs Authority of the importing Party must indicate (✓) in the relevant boxes in column 4 whether or not preferential treatment is accorded.
9. MULTIPLE ITEMS: For multiple items declared in the same Form S, if preferential treatment is not granted to any of the items, this is also to be indicated accordingly in box 4 and the item number circled or marked appropriately in box 5.
10. THIRD COUNTRY INVOICING: In cases where invoices are issued by a third country, "the Third Country Invoicing" box should be ticked (✓) and such information as name and country of the company issuing the invoice shall be indicated in box 7.
11. EXHIBITIONS: In cases where goods are sent from the territory of the exporting Party for exhibition in another Party and sold during or after the exhibition for importation into the territory of such Party, in accordance with the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Cambodia and Vietnam, the "Exhibitions" box should be ticked (✓) and the name and address of the exhibition indicated in box 2.
12. ACCUMULATION: In cases where the originating materials in a Party are used in the other Party as materials for a finished good, in accordance with the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Cambodia and Vietnam, the "Accumulation" box should be ticked (✓).
13. PARTIAL CUMULATION (PC): If the Local Value Content of material is less than 40%, the Certificate of Origin (Form S) may be issued for cumulation purposes, in accordance with the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Cambodia and Vietnam, the "Partial Cumulation" box should be ticked (✓).
14. DE MINIMIS: If the value of all non-originating materials used in its production that do not undergo the required change in tariff classification does not exceed ten (10) percent of the FOB value of the goods, in accordance with the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Cambodia and Vietnam, the "De Minimis" box should be ticked (✓).

PHỤ LỤC V
MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ HÀNG HÓA MẪU X
01 bản gốc và 02 bản sao (Original/Duplicate/Triplicate)

1. Goods consigned from (Exporter's business name, address, country) 2. Goods consigned to (Consignee's name, address, country)		Reference No. THE ARRANGEMENT ON BILATERAL TRADE ENHANCEMENT OF VIET NAM AND CAMBODIA CERTIFICATE OF ORIGIN (Combined Declaration and Certificate) FORM X Issued in VIET NAM See Overleaf Notes			
3. Means of transport and route (as far as known) Departure date Vessel's name/Aircraft etc. Port of Discharge		4. For Official Use ☐ Preferential Treatment Given Under the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Viet Nam and Cambodia ☐ Preferential Treatment Not Given (Please state reason/s) Signature of Authorised Signatory of the Importing Country			
5. Item number	6. Marks and numbers on packages	7. Number and type of packages, description of goods (including quantity where appropriate and HS number of the Importing Country at 8 digit)	8. Origin criterion (see Overleaf Notes)	9. Gross weight or other quantity and value (FOB)	10. Number and date of invoices
11. Declaration by the exporter The undersigned hereby declares that the above details and statement are correct; that all the goods were produced in VIET NAM and that they comply with the origin requirements specified for these goods in the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Viet Nam and Cambodia for the goods exported to CAMBODIA Place and date, signature of authorised signatory			12. Certification It is hereby certified, on the basis of control carried out, that the declaration by the exporter is correct. Place and date, signature and stamp of certifying authority		
13. ☐ Third Country Invoicing ☐ De Minimis ☐ Accumulation ☐ Issued Retroactively ☐ Partial Cumulation					

9
86

be

OVERLEAF NOTES

1. Parties which accept this form for the purpose of preferential treatment under the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Viet Nam and Cambodia

KINGDOM OF CAMBODIA

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

2. ONDITIONS: The main conditions for admission to the preferential treatment under the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Viet Nam and Cambodia are that goods sent to any Party listed above must:

- (i) fall within a description of products eligible for concessions in the Kingdom of Cambodia;
- (ii) comply with the consignment conditions in accordance with the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Viet Nam and Cambodia and
- (iii) comply with the origin criteria set out in the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Viet Nam and Cambodia.

3. ORIGIN CRITERIA: For goods that meet the origin criteria, the exporter and/or producer must indicate in Box 8 of this Form, the origin criteria met, in the manner shown in the following table:

Circumstances of production or manufacture in the first country named in Box 11 of this form	Insert in Box 8
(a) Goods satisfying the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Viet Nam and Cambodia (wholly obtained or produced in the exporting Party)	WO
(b) Goods satisfying the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Viet Nam and Cambodia (Non-wholly obtained) • Local Value Content • Change in Tariff Classification at four-digit level	Percentage of Viet Nam-Cambodia value content, example: LVC (40%) CTH
(c) Goods satisfying the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Viet Nam and Cambodia (Partial Cumulation)	"PC x%", where x would be the percentage of Viet Nam-Cambodia value content of less than 40%, example "PC 25%"

4. EACH ARTICLE MUST QUALIFY: It should be noted that all the goods in a consignment must qualify separately in their own right. This is of particular relevance when similar articles of different sizes or spare parts are sent.
5. DESCRIPTION OF PRODUCTS: The description of products must be sufficiently detailed to enable the products to be identified by the Customs Officers examining them. Name of manufacturer, any trade mark shall also be specified.
6. HARMONISED SYSTEM NUMBER: The Harmonised System number shall be that of in ASEAN Harmonised Tariff Nomenclature (AHTN) Code of the importing Party.
7. EXPORTER: The term "Exporter" in Box 11 may include the company or the manufacturer or the producer.
8. FOR OFFICIAL USE: The Customs Authority of the importing Party must indicate (✓) in the relevant boxes in column 4 whether or not preferential treatment is accorded.
9. MULTIPLE ITEMS: For multiple items declared in the same Form X, if preferential treatment is not granted to any of the items, this is also to be indicated accordingly in box 4 and the item number circled or marked appropriately in box 5.
10. THIRD COUNTRY INVOICING: In cases where invoices are issued by a third country, "the Third Country Invoicing" box should be ticked (✓) and such information as name and country of the company issuing the invoice shall be indicated in box 7.
11. ACCUMULATION: In cases where the originating materials in a Party are used in the other Party as materials for a finished good, in accordance with the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Viet Nam and Cambodia, the "Accumulation" box should be ticked (✓).
12. PARTIAL CUMULATION (PC): If the Local Value Content of material is less than 40%, the Certificate of Origin (Form X) may be issued for cumulation purposes, in accordance with the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Viet Nam and Cambodia, the "Partial Cumulation" box should be ticked (✓).
13. DE MINIMIS: if the value of all non-originating materials used in its production that do not undergo the required change in tariff classification does not exceed ten (10) percent of the FOB value of the goods, in accordance with the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Viet Nam and Cambodia, the "De Minimis" box should be ticked (✓).
14. ISSUED RETROACTIVELY: Due to involuntary errors or omissions or other valid causes, the Certificate of Origin (Form X) may be issued retroactively, in accordance with the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Viet Nam and Cambodia, and the "Issued Retroactively" box should be ticked (✓).

កិច្ចសម្របសម្រួលជំរុញពាណិជ្ជកម្មទ្វេភាគី
រវាង
រដ្ឋាភិបាល នៃសាធារណរដ្ឋសង្គមនិយមវៀតណាម
និង
រាជរដ្ឋាភិបាល នៃព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា

រដ្ឋាភិបាល នៃសាធារណរដ្ឋសង្គមនិយមវៀតណាម និងរាជរដ្ឋាភិបាល នៃព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា ខាងក្រោមនេះ ហៅកាត់ថា «ភាគីហត្ថលេខី» ។

ផ្អែកតាមសេចក្តីថ្លែងការណ៍រួមវៀតណាម-កម្ពុជា រវាងនាយករដ្ឋមន្ត្រី នៃសាធារណរដ្ឋសង្គមនិយមវៀតណាមនិងនាយករដ្ឋមន្ត្រី នៃព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា ដែលបានចុះហត្ថលេខា ថ្ងៃទី១០ ខែតុលា ឆ្នាំ២០០៥ នៅរដ្ឋធានីហាណូយ តម្រូវឱ្យភាគីទាំងពីររៀបចំឱ្យបានឆាប់រហ័សយោបាយអនុគ្រោះលើពន្ធគយសម្រាប់ទំនិញ ដែលមានដើមកំណើតនៅប្រទេសរៀងៗខ្លួន។

យោងកិច្ចសម្របសម្រួលជំរុញពាណិជ្ជកម្មទ្វេភាគី រវាងរដ្ឋាភិបាល នៃសាធារណរដ្ឋសង្គមនិយមវៀតណាម និងរាជរដ្ឋាភិបាល នៃព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា ចុះថ្ងៃទី២ ខែមិថុនា ឆ្នាំ២០២៣ នៅរដ្ឋធានីហាណូយ និង

ដើម្បីជំរុញឱ្យខ្លាំងក្លាបន្ថែមទៀត នូវទំនាក់ទំនងពាណិជ្ជកម្មរវាងប្រទេសទាំងពីរ ជាពិសេសការធ្វើពាណិជ្ជកម្ម លើមុខទំនិញកសិផល ផលិតផលឧស្សាហកម្ម និងផលនេសាទ ក្នុងគោលបំណងលើកកម្ពស់កម្រិតជីវភាពរបស់ប្រជាជន និងរួមចំណែកក្នុងការអភិវឌ្ឍសេដ្ឋកិច្ចឱ្យបានរឹងមាំរបស់ប្រទេសទាំងពីរ។

បានព្រមព្រៀងដូចខាងក្រោម៖

ប្រការ ១

១.១. កិច្ចសម្របសម្រួលនេះ មានកំណត់បញ្ជីរាយមុខទំនិញ ដែលមានដើមកំណើតនៅប្រទេសហត្ថលេខីណាមួយត្រូវបានទទួលភាពអនុគ្រោះពន្ធ ពេលនាំចូលទៅក្នុងទឹកដីរបស់ភាគីហត្ថលេខីម្ខាងទៀត។

១.២. ក្រៅពីមុខទំនិញកំណត់ក្នុងកិច្ចសម្របសម្រួលនេះ បណ្តាមុខទំនិញដែលមានដើមកំណើតនៅប្រទេសភាគីហត្ថលេខីណាមួយ ពេលនាំចូលទៅទឹកដីភាគីហត្ថលេខីម្ខាងទៀត ត្រូវអនុលោមតាមច្បាប់ និងបទប្បញ្ញត្តិនៃការនាំចេញ-នាំចូលរបស់ភាគីហត្ថលេខីម្ខាងទៀត ដូចបានអនុវត្តលើមុខទំនិញលក់ដូរធម្មតាឆ្លងកាត់ព្រំដែនរវាងប្រទេសទាំងពីរ។

ប្រការ ២

២.១. ចំពោះមុខទំនិញទាំងអស់ ដែលមានដើមកំណើតនៅព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា ដូចមានចែងនៅក្នុងឧបសម្ព័ន្ធ១ នៃកិច្ចសម្របសម្រួលនេះ ពេលនាំចូលទៅទឹកដីសាធារណរដ្ឋសង្គមនិយមវៀតណាម ត្រូវបានទទួលភាពអនុគ្រោះពន្ធនាំចូលពិសេសតាមអត្រាស្មើ ០% (សូន្យភាគរយ)។ ដោយឡែក ចំពោះការកំណត់

បរិមាណទំនិញដែលទទួលបានភាពអនុគ្រោះពន្ធនាំចូលនូវអត្រាពន្ធពិសេសស្មើ ០% (សូន្យភាគរយ) ដែលរួមមាន អង្ករ និងសន្លឹកថ្នាំជក់ស្អាត មានកំណត់នៅក្នុងប្រការ ៣ និងប្រការ ៤ ខាងក្រោម ។

២.២. ចំពោះមុខទំនិញទាំងអស់ មានដើមកំណើតនៅសាធារណរដ្ឋសង្គមនិយមវៀតណាម ដូចមានចែងនៅក្នុងឧបសម្ព័ន្ធ២ នៃកិច្ចសម្របសម្រួលនេះ ពេលនាំចូលមកទឹកដីនៃព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា ត្រូវបានទទួលភាពអនុគ្រោះពន្ធនាំចូលតាមអត្រាសូន្យ ០% (សូន្យភាគរយ) ។

២.៣. ចំពោះមុខទំនិញកសិផលមិនទាន់កែច្នៃ ដែលភាគីវៀតណាមវិនិយោគដាំដុះនៅព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា នៅពេលនាំចូលទៅសាធារណរដ្ឋសង្គមនិយមវៀតណាម ត្រូវអនុវត្តតាមស្មារតីនៃលិខិតបទដ្ឋានច្បាប់ពាក់ព័ន្ធនៃសាធារណរដ្ឋសង្គមនិយមវៀតណាម និងលិខិតបទដ្ឋានច្បាប់ពាក់ព័ន្ធរបស់ព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា ហើយមិនគិតបញ្ចូលបរិមាណ ដែលបានកំណត់ក្នុងប្រការ ៣ និងប្រការ ៤ ខាងក្រោមឡើយ ។

២.៤. ចំពោះមុខទំនិញកសិផល មានដើមកំណើតនៅកម្ពុជាដែលអាជីវករនាំចូលទៅប្រទេសវៀតណាមដើម្បីធ្វើការនាំចេញបន្តទៅទីផ្សារផ្សេងទៀត នឹងត្រូវអនុវត្តតាមយន្តការនាំចូលបណ្តោះអាសន្នរបស់រដ្ឋាភិបាលនៃសាធារណរដ្ឋសង្គមនិយមវៀតណាម និងកិច្ចព្រមព្រៀងតំបន់ និងអន្តរជាតិ ដែលភាគីទាំងពីរជាហត្ថលេខីដោយមិនគិតបញ្ចូលបរិមាណដូចបានកំណត់ក្នុងប្រការ ៣ និងប្រការ ៤ ខាងក្រោម ។

ប្រការ ៣

ចំពោះមុខទំនិញអង្ករ ៖

៣.១. មុខទំនិញអង្ករ ដែលត្រូវបានទទួលភាពអនុគ្រោះពន្ធអត្រាស្មើ ០% (សូន្យភាគរយ) តាមកិច្ចសម្របសម្រួលនេះ មានចែងនៅក្នុងឧបសម្ព័ន្ធ១ ។

៣.២. បរិមាណអង្ករ ដែលមានដើមកំណើតនៅកម្ពុជា ត្រូវទទួលបានភាពអនុគ្រោះពន្ធនាំចូលពិសេសអត្រាពន្ធ ០% (សូន្យភាគរយ) តាមកិច្ចសម្របសម្រួលនេះ ត្រូវបានកំណត់ដូចខាងក្រោម ៖

- ឆ្នាំ២០២៥ ស្មើនឹង ៣០០ ០០០ តោន
- ឆ្នាំ២០២៦ ស្មើនឹង ៣០០ ០០០ តោន

៣.៣. ភាគីទាំងពីរឯកភាពកំណត់គិតជាមធ្យមភាគ សម្រាប់ ២ គីឡូក្រាមស្រូវស្មើនឹង ១ គីឡូក្រាមអង្ករ ។

ប្រការ ៤

ចំពោះមុខទំនិញសន្លឹកថ្នាំជក់ស្អាត ៖

៤.១. មុខទំនិញសន្លឹកថ្នាំជក់ស្អាត ត្រូវបានទទួលភាពអនុគ្រោះពន្ធតាមអត្រាស្មើ ០% (សូន្យភាគរយ) តាមកិច្ចសម្របសម្រួលនេះ មានចែងនៅក្នុងឧបសម្ព័ន្ធ១ ។

៤.២. បរិមាណសន្លឹកថ្នាំជក់ស្អាត មានដើមកំណើតនៅកម្ពុជា ទទួលបានភាពអនុគ្រោះពន្ធនាំចូលពិសេសអត្រាពន្ធ ០% (សូន្យភាគរយ) តាមកិច្ចសម្របសម្រួលនេះ ត្រូវបានកំណត់ដូចខាងក្រោម ៖

- ឆ្នាំ២០២៥ ស្មើនឹង ៣ ០០០ តោន
- ឆ្នាំ២០២៦ ស្មើនឹង ៣ ០០០ តោន

ប្រការ ៥

ភាគីទាំងពីរ ត្រូវអនុវត្តតាមលេខកូដ (H-S Code) នៅក្នុងឧបសម្ព័ន្ធ ១ និង ២ ដោយអនុលោមតាម តារាងបញ្ជីពន្ធគយ ASEAN (AHTN) ឆ្នាំ២០២២ ។

ប្រការ ៦

ជារៀងរាល់ឆ្នាំមុនថ្ងៃទី២០ ខែធ្នូ ភាគីទាំងពីរ ត្រូវផ្ទៀងផ្ទាត់ឯកសារអនុវត្តសម្រាប់មុខទំនិញជាប់ កម្រិតកំណត់ ដូចមានចែងនៅក្នុងប្រការ ៣ និងប្រការ ៤ ខាងលើ។ ក្នុងករណីការនាំចេញ-នាំចូលក្នុង ឆ្នាំនីមួយៗ មិនគ្រប់តាមបរិមាណកំណត់ ក្រសួងពាណិជ្ជកម្ម នៃព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា អាចផ្ញើលិខិតជា លាយលក្ខណ៍អក្សរ ទៅក្រសួងឧស្សាហកម្ម និងពាណិជ្ជកម្ម នៃសាធារណរដ្ឋសង្គមនិយមវៀតណាម ដើម្បីស្នើសុំ ការអនុញ្ញាតឱ្យអាជីវករកម្ពុជា ប្រើប្រាស់បរិមាណដែលនៅសល់នៅឆ្នាំចាស់ សម្រាប់អនុវត្តនៅឆ្នាំបន្ទាប់។

ប្រការ ៧

ការនាំចូលសន្លឹកថ្នាំជក់ស្អាត ដែលបានកំណត់ក្នុងប្រការ ៤ នៃកិច្ចសម្របសម្រួលនេះ ត្រូវអនុវត្តដូច ខាងក្រោម៖

៧.១. ក្នុងករណី ការនាំចូលទៅវៀតណាមជាក់ស្តែងស្ថិតនៅក្នុងបរិមាណកំណត់ ដូចមានចែងនៅក្នុង ចំណុច ៤.២ នៃប្រការ ៤ នៃកិច្ចសម្របសម្រួលនេះ ត្រូវអនុវត្តការអនុគ្រោះពន្ធនាំចូលពិសេស ដូចបានព្រមព្រៀង ក្នុងកិច្ចសម្របសម្រួលនេះ។

៧.២. ក្នុងករណី ការនាំចូលទៅវៀតណាមជាក់ស្តែងលើសកម្រិតបរិមាណកំណត់ ដូចមានចែងក្នុង ចំណុច ៤.២ នៃប្រការ ៤ នៃកិច្ចសម្របសម្រួលនេះ ប៉ុន្តែស្ថិតនៅក្នុងកម្រិតកំណត់រួម ត្រូវអនុវត្តតាមបញ្ញត្តិច្បាប់ ជាធរមានរបស់សាធារណរដ្ឋសង្គមនិយមវៀតណាម ស្តីពីបរិមាណកម្រិតកំណត់ពន្ធនាំចូល ត្រូវបង់ពន្ធនាំចូល ចំពោះបរិមាណដែលលើស ដូចមានចែងក្នុងតារាងអនុគ្រោះពន្ធនាំចូលរបស់សាធារណរដ្ឋសង្គមនិយមវៀតណាម។

៧.៣. ក្នុងករណី ការនាំចូលលើសពីកម្រិតកំណត់ដូចមានចែងក្នុងចំណុច ៤.២ នៃប្រការ ៤ នៃកិច្ច សម្របសម្រួលនេះ ហើយបើការនាំចូលលើសពីកម្រិតកំណត់រួម ឬមិនអនុវត្តតាមបញ្ញត្តិច្បាប់ជាធរមាន របស់ សាធារណរដ្ឋសង្គមនិយមវៀតណាម ស្តីពីកម្រិតអត្រាពន្ធ បរិមាណនាំចូលដែលលើសត្រូវអនុវត្តតាមកម្រិតពន្ធ ក្រៅពីកម្រិតកំណត់ក្នុងបញ្ញត្តិច្បាប់ជាធរមានរបស់សាធារណរដ្ឋសង្គមនិយមវៀតណាម។

ប្រការ ៨

ចំពោះមុខទំនិញ ដែលស្ថិតនៅក្នុងកិច្ចសម្របសម្រួលនេះ ដោយមិនគិតបញ្ចូលមុខទំនិញដែលមាន ចែងនៅក្នុងប្រការ ៣ និងប្រការ ៤ ប្រសិនបើការនាំចូលច្រើនលើសលប់ និងបង្កផលប៉ះពាល់ដល់ផលិតកម្មក្នុងស្រុក នៃប្រទេសនាំចូល ប្រទេសនាំចូលមានសិទ្ធិផ្អាកជាបន្ទាន់នូវការអនុវត្តកាតព្វកិច្ចពិសេសតាមកិច្ចសម្រប សម្រួលនេះ ហើយទំនិញទាំងនោះត្រូវអនុវត្តតាមអត្រាពន្ធ ដែលមានចែងក្នុងកិច្ចព្រមព្រៀងពាណិជ្ជកម្មទំនិញ របស់អាស៊ាន (ASEAN Trade In Goods Agreement) ឬស្របទៅតាមច្បាប់ និងបទបញ្ញត្តិជាធរមានរបស់ ភាគីហ្គាតេលេខី។

ប្រការ ៩

៩.១. វិញ្ញាបនបត្របញ្ជាក់ដើមកំណើតទំនិញសម្រាប់មុខទំនិញ ដែលទទួលបានភាពអនុគ្រោះពន្ធ ដែលស្ថិតនៅក្នុងឧបសម្ព័ន្ធ ១ នៃកិច្ចសម្របសម្រួលនេះ នាំចូលទៅសាធារណរដ្ឋសង្គមនិយមវៀតណាម គឺជាវិញ្ញាបនបត្របញ្ជាក់ដើមកំណើតទំនិញ ទម្រង់អេស (S) ។ វិញ្ញាបនបត្របញ្ជាក់ដើមកំណើតទំនិញ ទម្រង់អេស (S) ត្រូវធ្វើឡើងក្នុងទម្រង់ក្រដាស A4 (ISO A4) ជាភាសាអង់គ្លេស ដូចមានគម្រក្នុងឧបសម្ព័ន្ធ ៤ នៃកិច្ចសម្របសម្រួលនេះ។

៩.២. វិញ្ញាបនបត្របញ្ជាក់ដើមកំណើតទំនិញសម្រាប់មុខទំនិញ ដែលទទួលបានភាពអនុគ្រោះពន្ធ ដែលស្ថិតនៅក្នុងឧបសម្ព័ន្ធ ២ នៃកិច្ចសម្របសម្រួលនេះ នាំចូលទៅព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា គឺជាវិញ្ញាបនបត្រ បញ្ជាក់ដើមកំណើតទំនិញទម្រង់អិច (X) ។ វិញ្ញាបនបត្របញ្ជាក់ដើមកំណើតទំនិញ ទម្រង់អិច (X) ត្រូវធ្វើឡើង ក្នុងទម្រង់ក្រដាស A4 (ISO A4) ជាភាសាអង់គ្លេស ដូចមានគម្រក្នុងឧបសម្ព័ន្ធ ៥ នៃកិច្ចសម្របសម្រួលនេះ។

៩.៣. ភ្នាក់ងារ/ស្ថាប័នផ្តល់វិញ្ញាបនបត្របញ្ជាក់ដើមកំណើតទំនិញ សម្រាប់មុខទំនិញដែលទទួល បានភាពអនុគ្រោះពន្ធតាមកិច្ចសម្របសម្រួលនេះ គឺក្រសួងឧស្សាហកម្ម និងពាណិជ្ជកម្ម នៃសាធារណរដ្ឋសង្គម និយមវៀតណាម និងក្រសួងពាណិជ្ជកម្ម នៃព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា ឬអង្គភាព ដែលក្រសួងឧស្សាហកម្ម និង ពាណិជ្ជកម្ម នៃសាធារណរដ្ឋសង្គមនិយមវៀតណាម ឬអង្គភាព ដែលក្រសួងពាណិជ្ជកម្ម នៃព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា ប្រគល់សិទ្ធិជូន។

៩.៤. ដើម្បីបង្កលក្ខណៈងាយស្រួល សម្រាប់មុខទំនិញទទួលបានភាពអនុគ្រោះពន្ធតាមកិច្ចសម្រប សម្រួលនេះ ក្រសួងឧស្សាហកម្ម និងពាណិជ្ជកម្ម នៃសាធារណរដ្ឋសង្គមនិយមវៀតណាម និងក្រសួងពាណិជ្ជកម្ម នៃព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា បានឯកភាពអនុវត្តតាមជំពូក III ស្តីពីវិធានដើមកំណើតទំនិញរបស់កិច្ចព្រមព្រៀង ពាណិជ្ជកម្មទំនិញរបស់អាស៊ាន (ATIGA) និងឧបសម្ព័ន្ធពាក់ព័ន្ធ។

៩.៥. ដើម្បីសម្រួលអោយមុខទំនិញងាយទទួលបានភាពអនុគ្រោះពន្ធ ក្រោមកិច្ចសម្របសម្រួលនេះ ក្រសួងឧស្សាហកម្ម និងពាណិជ្ជកម្ម នៃសាធារណរដ្ឋសង្គមនិយមវៀតណាម និងក្រសួងពាណិជ្ជកម្ម នៃព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា ត្រូវធ្វើការសហការគ្នាអោយបានជិតស្និទ្ធ ដើម្បីឈានទៅរកការអនុវត្តការផ្តល់ វិញ្ញាបនបត្របញ្ជាក់ដើមកំណើតទំនិញតាមប្រព័ន្ធអេឡិចត្រូនិក និងការចេញវិក្កយបត្រប្រតិទិនដើមកំណើតទំនិញ ដោយខ្លួនឯង រវាងភាគីហត្ថលេខី នាពេលអនាគត។

ប្រការ ១០

១០.១. បញ្ជីទីស្នាក់ការត្រួតពិនិត្យច្រកទ្វារព្រំដែន សម្រាប់បញ្ចេញទំនិញនាំចេញ និងនាំចូល ដែល ទទួលបានភាពអនុគ្រោះពន្ធ មានចែងក្នុងឧបសម្ព័ន្ធ ៣ នៃកិច្ចសម្របសម្រួលនេះ។

១០.២. បញ្ជីទីស្នាក់ការត្រួតពិនិត្យច្រកទ្វារព្រំដែន មានចែងក្នុងឧបសម្ព័ន្ធ ៣ អាចធ្វើវិសោធនកម្ម ឬបំពេញបន្ថែម ដោយមានការព្រមព្រៀង រវាងភាគីទាំងពីរ និងត្រូវបានចាត់ទុកជាឯកសារភ្ជាប់មានសុពលភាព ទៅនឹងកិច្ចសម្របសម្រួលនេះ។



ប្រការ ១១

កិច្ចសម្របសម្រួលនេះ ចូលជាធរមានចាប់ពីថ្ងៃចុះហត្ថលេខា ហើយនឹងត្រូវបញ្ចប់សុពលភាពត្រឹម ថ្ងៃទី៣១ ខែធ្នូ ឆ្នាំ២០២៦ ។

ប្រការ ១២

១២.១. ក្នុងដំណាក់កាលអនុវត្តកិច្ចសម្របសម្រួលនេះ ប្រសិនបើមានការរាំងស្ទះកើតឡើង ក្រសួង ឧស្សាហកម្ម និងពាណិជ្ជកម្ម នៃសាធារណរដ្ឋសង្គមនិយមវៀតណាម និងក្រសួងពាណិជ្ជកម្ម នៃព្រះរាជាណាចក្រ កម្ពុជា នឹងត្រូវសកម្មក្នុងកិច្ចសហការដោះស្រាយ។

១២.២. ភាគីទាំងពីរ ត្រូវពិនិត្យ និងធ្វើបច្ចុប្បន្នភាពឧបសម្ព័ន្ធ ១ និងឧបសម្ព័ន្ធ ២ ក្នុងរយៈពេលប្រាំមួយ (០៦) ខែ រីមួយ (០១) ឆ្នាំ តាមការព្រមព្រៀងរបស់ភាគីហត្ថលេខី។ ភាគីហត្ថលេខី ត្រូវរៀបចំកិច្ចប្រជុំ ដើម្បីពិនិត្យការអនុវត្តកិច្ចសម្របសម្រួលនេះជារៀងរាល់ឆ្នាំ។

ប្រការ ១៣

ភាគីហត្ថលេខី ត្រូវជំរុញបណ្តាការងារចាំបាច់នៅប្រទេសរៀងៗខ្លួន ដើម្បីស្ថាប័នមានសមត្ថកិច្ចពាក់ព័ន្ធ អាចរៀបចំអនុវត្តតាមខ្លឹមសារ នៃកិច្ចសម្របសម្រួលនេះ។

ធ្វើនៅរដ្ឋធានីហាណូយ ថ្ងៃទី២៨ ខែមេសា ឆ្នាំ២០២៥ ជាពីរច្បាប់ដើម (០២ច្បាប់) ជាភាសា វៀតណាម ភាសាខ្មែរ និងភាសាអង់គ្លេស អត្ថបទទាំងអស់មានតម្លៃផ្លូវច្បាប់ដូចគ្នា។ ករណីមានការបកស្រាយ ខុសគ្នាអត្ថបទភាសាអង់គ្លេស ត្រូវយកមកប្រើប្រាស់ជាច្បាប់គោល។

ជ. វណ្ណាភិបាល

នៃសាធារណរដ្ឋសង្គមនិយមវៀតណាម



NGUYEN HONG DIEN

រដ្ឋមន្ត្រីក្រសួងឧស្សាហកម្ម និងពាណិជ្ជកម្ម

ជ. រាជវណ្ណាភិបាល

នៃព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា



ធម៌ សិម

រដ្ឋមន្ត្រីក្រសួងពាណិជ្ជកម្ម

ឧបសម្ព័ន្ធ ១

**មញ្ញីរាយមុខទំនិញទទួលបានភាពអនុគ្រោះពន្ធសូន្យភាគរយ
ដែលមានដើមកំណើតនៅព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា
នាំចេញទៅសាធារណរដ្ឋសង្គមនិយមវៀតណាម**

No	Tariff Code (AHTN 2022)	បរិយាយមុខទំនិញ
	01.05	បសុបក្សីរស់ សំដៅលើ បក្សីស្រុកប្រភេទ Gallus domesticus ទា ក្លាន មាន បារាំង និងបក្សីគីណា
		- ដែលមានទម្ងន់មិនលើស ១៨៥ ក្រាម ៖
	0105.11	- - បក្សីស្រុកប្រភេទ Gallus domesticus ៖
1	0105.11.90	- - - ផ្សេងទៀត
	0105.99	- - ផ្សេងទៀត ៖
2	0105.99.20	- - - ទាផ្សេងទៀត
	02.07	សាច់សត្វ និងគ្រឿងក្នុងបសុបក្សីដែលអាចបរិភោគបាន នៅទីតាំង ០១.០៥ ស្រស់ ក្លាស្យ ឬបង្កក
		- នៃបក្សីស្រុកប្រភេទ Gallus domesticus ៖
3	0207.11.00	- - មិនកាត់ជាដុំ ស្រស់ ឬក្លាស្យ
4	0207.12.00	- - មិនកាត់ជាដុំ បង្កក
5	0207.13.00	- - សាច់កាត់ និងគ្រឿងក្នុង ស្រស់ ឬក្លាស្យ
	0207.14	- - សាច់កាត់ និងគ្រឿងក្នុង បង្កក ៖
6	0207.14.10	- - - ស្លាប
7	0207.14.20	- - - ភ្លៅ
8	0207.14.30	- - - ថ្លើម
		- - - ផ្សេងទៀត ៖
9	0207.14.91	- - - - សាច់ ដែលត្រូវបានយកផ្អែមចេញ ដោយម៉ាស៊ីន
10	0207.14.99	- - - - ផ្សេងទៀត
	08.05	ផ្លែឈើពពួកក្រូចស្រស់ ឬស្ងួត
	0805.50	- ក្រូចឆ្មារលឿង (Citrus limon, Citrus limonum) និងក្រូចឆ្មារបៃតង (Citrus aurantifolia, Citrus latifolia) ៖
11	0805.50.10	- - ក្រូចឆ្មារលឿង (Citrus limon, Citrus limonum)

No	Tariff Code (AHTN 2022)	បរិយាយមុខទំនិញ
12	0805.50.20	- - ក្រូចឆ្មារបៃតង (Citrus aurantifolia, Citrus latifolia)
13	0805.90.00	- ផ្សេងទៀត
	10.06	ស្រូវ
	1006.10	- ស្រូវ នៅទាំងសម្បក ៖
14	1006.10.10	- - សមស្របសម្រាប់ការដាំដុះ
15	1006.10.90	- - ផ្សេងទៀត
	1006.20	- - អង្ករសរុប ៖
16	1006.20.10	- - អង្ករបូមម៉ាលី
17	1006.20.90	- - ផ្សេងទៀត
	24.01	ថ្នាំជក់ពៅ; សំណល់ថ្នាំជក់
	2401.10	- ថ្នាំជក់មិនទាន់កាត់ធាង/ច្រៀក
18	2401.10.10	- - ថ្នាំជក់វីជីនីញ៉ា អប់ផ្សែង
19	2401.10.20	- - ថ្នាំជក់វីជីនីញ៉ា ក្រៅពីអប់ផ្សែង
20	2401.10.40	- - ប្រភេទ Burley
21	2401.10.50	- - ផ្សេងទៀត អប់ផ្សែង
22	2401.10.90	- - ផ្សេងទៀត
	2401.20	- ថ្នាំជក់ កាត់ធាង/ច្រៀកដោយផ្នែកឬទាំងស្រុង ៖
23	2401.20.10	- - ថ្នាំជក់វីជីនីញ៉ា អប់ផ្សែង
24	2401.20.20	- - ថ្នាំជក់វីជីនីញ៉ា ក្រៅពីអប់ផ្សែង
25	2401.20.30	- - ប្រភេទ Oriental
26	2401.20.40	- - ប្រភេទ Burley
27	2401.20.50	- - ផ្សេងទៀត អប់ផ្សែង
28	2401.20.90	- - ផ្សេងទៀត

ឧបសម្ព័ន្ធ ២

**បញ្ជីរាយមុខទំនិញទទួលបានការអនុគ្រោះពន្ធសូន្យភាគរយ
ដែលមានដើមកំណើតនៅសាធារណរដ្ឋសង្គមនិយមវៀតណាម
នាំចូលព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា**

No.	Tariff Code (AHTN 2022)	បរិយាយមុខទំនិញ
	02.07	សាច់សត្វ និងគ្រឿងក្នុងបសុបក្សី ដែលអាចបរិភោគបាន នៅទីតាំង 09.0៥ ស្រស់ ក្លាស្យ ឬបង្អក
		- នៃបក្សីស្រុកប្រភេទ <i>Gallus domesticus</i> ៖
1	0207.11.00	- - មិនកាត់ជាដុំ ស្រស់ ឬក្លាស្យ
2	0207.12.00	- - មិនកាត់ជាដុំ បង្អក
3	0207.13.00	- - សាច់កាត់ និងគ្រឿងក្នុង ស្រស់ ឬក្លាស្យ
	0207.14	- - សាច់កាត់ និងគ្រឿងក្នុង បង្អក ៖
4	0207.14.10	- - - ស្លាប
5	0207.14.20	- - - ភ្លៅ
6	0207.14.30	- - - ថ្លើម
		- - - ផ្សេងទៀត ៖
7	0207.14.91	- - - - សាច់ ដែលត្រូវបានយកឆ្អឹងចេញដោយម៉ាស៊ីន
		- នៃទា ៖
8	0207.41.00	- - មិនកាត់ជាដុំ ស្រស់ឬ ក្លាស្យ
9	0207.42.00	- - មិនកាត់ជាដុំ បង្អក
10	0702.00.00	ប៉េងប៉ោះ ស្រស់ ឬក្លាស្យ
	07.04	ស្ពៃក្តោប ផ្កាខាត់ណា ខាត់ណាមើមមូល kohlrabi ស្ពៃក្រញាញ់ kale និង បន្លែស្ពៃដែលអាចបរិភោគបានស្រដៀងនេះ ស្រស់ ឬក្លាស្យ
	0704.10	- ផ្កាខាត់ណា និងប្រូខូលី ៖
11	0704.10.20	- - ផ្កាប្រូខូលី
	07.06	មើមកាវ៉ុត មើម turnips មើមប៉េតឺរ៉ាវ មើម salsify មើមគិនឆាយ មើមឆៃថាវ និងមើមអាចបរិភោគបាន ស្រដៀងនេះ ស្រស់ ឬក្លាស្យ
	0706.10	- មើមកាវ៉ុត និងមើម turnips ៖
12	0706.10.20	- - មើម turnips

No.	Tariff Code (AHTN 2022)	បរិយាយមុខទំនិញ
13	0706.90.00	- ផ្សេងទៀត
14	0707.00.00	ត្រសក់ និងក្តឹបត្រសក់ ស្រស់ ឬក្លាស្យ
	07.08	បន្លែពពួកសណ្តែក មានសម្បកឬគ្មានសម្បក ស្រស់ ឬក្លាស្យ
	07.08.20	- សណ្តែក (Vigna spp., Phaseolus spp.) ៖
15	0708.20.10	- - សណ្តែកបារាំង
16	0708.20.20	- - សណ្តែកកូរ
17	0708.20.90	- - ផ្សេងទៀត
	07.09	បន្លែផ្សេងទៀត ស្រស់ ឬ ក្លាស្យ
		- ផ្សេងទៀត ៖
18	0709.93.00	- - ផ្លែល្ពៅ ផ្លែល្ពៅក្តាម និងពពួកបន្លែឡើងទ្រីង (Cucurbita spp.)
	08.04	ផ្លែល្ពៅ ល្ពៅ ម្នាស់ អាវ៉ាកាដូ ត្របែក ស្វាយ មង្គុត ស្រស់ ឬស្ងួត
19	0804.30.00	- ម្នាស់
	0804.50	- ត្របែក ស្វាយ និងមង្គុត ៖
		- - ស្វាយ ៖
20	0804.50.21	- - - ស្រស់
21	0804.50.22	- - - ស្ងួត
22	0804.50.30	- - មង្គុត
	08.05	ផ្លែឈើពពួកក្រូចស្រស់ ឬស្ងួត
	0805.10	- ក្រូចពោធិសាត់ ៖
23	0805.10.20	- - ស្ងួត
	08.07	ផ្លែមីឡុង (រាប់បញ្ចូលទាំងផ្លែឌីឡឺក) និងផ្លែល្អុង ស្រស់
		- ផ្លែមីឡុង(រាប់បញ្ចូលទាំងឌីឡឺក) ៖
24	0807.11.00	- - ផ្លែឌីឡឺក
25	0807.19.00	- - ផ្សេងទៀត

[illegible][illegible]

ឧបសម្ព័ន្ធ ៤

វិញ្ញាបនបត្របញ្ជាក់ដើមកំណើតទំនិញ ទម្រង់អេស (S)

ច្បាប់ដើម / ច្បាប់ចម្លងសន្លឹកទីពីរ / ច្បាប់ចម្លងសន្លឹកទីបី / ច្បាប់ចម្លងសន្លឹកទីបួន

ORIGINAL

1. Goods consigned from (Exporter's business name, address, country)			Reference No. THE ARRANGEMENT ON BILATERAL TRADE ENHANCEMENT OF CAMBODIA AND VIETNAM CERTIFICATE OF ORIGIN (Combined Declaration and Certificate) FORM S Issued in CAMBODIA See Overleaf Notes		
2. Goods consigned to (Consignee's name, address, country)					
3. Means of transport and route (as far as known) Departure date Truck's name/Aircraft etc. Port of Discharge			4. For Official Use ☐ Preferential Treatment Given Under the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Cambodia and Vietnam ☐ Preferential Treatment Not Given (Please state reason/s)		
Signature of Authorised Signatory of the Importing Country					
5. Item Number	6. Marks and numbers on packages	7. Number and type of packages, description of goods (including quantity where appropriate and HS number of the importing country at 8 digit)	8. Origin criterion (see Notes overleaf)	9. Gross weight or other quantity and value (FOB)	10. Number and date of invoices
11. Declaration by the exporter The undersigned hereby declares that the above details and statements are correct; that all the goods were produced in CAMBODIA and that they comply with the origin requirements specified for these goods in the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Cambodia and Vietnam for the goods exported to VIETNAM Place and date, signature of authorised signatory			12. Certification It is hereby certified, on the basis of control carried out, that the declaration by the exporter is correct. Place and date, signature and stamp of certifying authority		
13. ☐ Third-Country Invoicing ☐ Accumulation ☐ Partial Cumulation			☐ Exhibition ☐ De Minimis		

OVERLEAF NOTES

1. Parties which accept this form for the purpose of preferential treatment under the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Cambodia and Vietnam.

KINGDOM OF CAMBODIA

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

2. **CONDITIONS:** The main conditions for admission to the preferential treatment under the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Viet Cambodia and Viet Nam are that goods sent to any Party listed above must:
- (i) fall within a description of products eligible for concessions in the Socialist Republic of Vietnam;
 - (ii) comply with the consignment conditions in accordance with the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Cambodia and Vietnam and
 - (iii) comply with the origin criteria set out in the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Cambodia and Vietnam.
3. **ORIGIN CRITERIA:** For goods that meet the origin criteria, the exporter and/or producer must indicate in Box 8 of this Form, the origin criteria met, in the manner shown in the following table:

Circumstances of production or manufacture in the first country named in Box 11 of this form	Insert in Box 8
(a) Goods satisfying the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Cambodia and Viet Nam (wholly obtained or produced in the exporting Party)	WO
(b) Goods satisfying the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Cambodia and Viet Nam (Non_ wholly obtained)	
• Local Value Content	Percentage of Cambodia-Vietnam value content, example: LVC (40%)
• Change in Tariff Classification at four-digit level	CTH
(c) Goods satisfying the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Cambodia and Vietnam (Partial Cumulation)	"PC x%", where x would be the percentage of Cambodia-Vietnam value content of less than 40%, example "PC 25%"

4. **EACH ARTICLE MUST QUALIFY:** It should be noted that all the goods in a consignment must qualify separately in their own right. This is of particular relevance when similar articles of different sizes or spare parts are sent.
5. **DESCRIPTION OF PRODUCTS:** The description of products must be sufficiently detailed to enable the products to be identified by the Customs Officers examining them. Name of manufacturer, any trade mark shall also be specified.
6. **HARMONISED SYSTEM NUMBER:** The Harmonised System number shall be that of in ASEAN Harmonised Tariff Nomenclature (AHTN) Code of the importing Party.
7. **EXPORTER:** The term "Exporter" in Box 11 may include the company or the manufacturer or the producer.
8. **FOR OFFICIAL USE:** The Customs Authority of the importing Party must indicate (✓) in the relevant boxes in column 4 whether or not preferential treatment is accorded.
9. **MULTIPLE ITEMS:** For multiple items declared in the same Form S, if preferential treatment is not granted to any of the items, this is also to be indicated accordingly in box 4 and the item number circled or marked appropriately in box 5.
10. **THIRD COUNTRY INVOICING:** In cases where invoices are issued by a third country, "the Third Country Invoicing" box should be ticked (✓) and such information as name and country of the company issuing the invoice shall be indicated in box 7.
11. **EXHIBITIONS:** In cases where goods are sent from the territory of the exporting Party for exhibition in another Party and sold during or after the exhibition for importation into the territory of such Party, in accordance with the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Cambodia and Vietnam, the "Exhibitions" box should be ticked (✓) and the name and address of the exhibition indicated in box 2.
12. **ACCUMULATION:** In cases where the originating materials in a Party are used in the other Party as materials for a finished good, in accordance with the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Cambodia and Vietnam, the "Accumulation" box should be ticked (✓).
13. **PARTIAL CUMULATION (PC):** If the Local Value Content of material is less than 40%, the Certificate of Origin (Form S) may be issued for cumulation purposes, in accordance with the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Cambodia and Vietnam, the "Partial Cumulation" box should be ticked (✓).
14. **DE MINIMIS:** If the value of all non-originating materials used in its production that do not undergo the required change in tariff classification does not exceed ten (10) percent of the FOB value of the goods, in accordance with the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Cambodia and Vietnam, the "De Minimis" box should be ticked (✓).

ឧបសម្ព័ន្ធ ៥
វិញ្ញាបនបត្របញ្ជាក់ដើមកំណើតទំនិញ ទម្រង់អិច (X)
ច្បាប់ដើម / ច្បាប់ចម្លងសន្លឹកទំនិញ / ច្បាប់ចម្លងសន្លឹកទំនិញ

1. Goods consigned from (Exporter's business name, address, country)		Reference No. THE ARRANGEMENT ON BILATERAL TRADE ENHANCEMENT OF VIET NAM AND CAMBODIA CERTIFICATE OF ORIGIN (Combined Declaration and Certificate) FORM X Issued in VIET NAM See Overleaf Notes			
2. Goods consigned to (Consignee's name, address, country)		4. For Official Use ☐ Preferential Treatment Given Under the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Viet Nam and Cambodia ☐ Preferential Treatment Not Given (Please state reason/s) Signature of Authorised Signatory of the Importing Country			
3. Means of transport and route (as far as known) Departure date Vessel's name/Aircraft etc. Port of Discharge					
5. Item number	6. Marks and numbers on packages	7. Number and type of packages, description of goods (including quantity where appropriate and HS number of the Importing Country at 8 digit)	8. Origin criterion (see Overleaf Notes)	9. Gross weight or other quantity and value (FOB)	10. Number and date of invoices
11. Declaration by the exporter The undersigned hereby declares that the above details and statement are correct; that all the goods were produced in VIET NAM and that they comply with the origin requirements specified for these goods in the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Viet Nam and Cambodia for the goods exported to CAMBODIA Place and date, signature of authorised signatory			12. Certification It is hereby certified, on the basis of control carried out, that the declaration by the exporter is correct. Place and date, signature and stamp of certifying authority		
13. ☐ Third Country Invoicing ☐ De Minimis ☐ Accumulation ☐ Issued Retroactively ☐ Partial Cumulation					

OVERLEAF NOTES

- Parties which accept this form for the purpose of preferential treatment under the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Viet Nam and Cambodia

KINGDOM OF CAMBODIA

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

- CONDITIONS: The main conditions for admission to the preferential treatment under the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Viet Nam and Cambodia are that goods sent to any Party listed above must:

- fall within a description of products eligible for concessions in the Kingdom of Cambodia;
- comply with the consignment conditions in accordance with the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Viet Nam and Cambodia and
- comply with the origin criteria set out in the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Viet Nam and Cambodia.

- ORIGIN CRITERIA: For goods that meet the origin criteria, the exporter and/or producer must indicate in Box 8 of this Form, the origin criteria met, in the manner shown in the following table:

Circumstances of production or manufacture in the first country named in Box 11 of this form	Insert in Box 8
(a) Goods satisfying the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Viet Nam and Cambodia (wholly obtained or produced in the exporting Party)	WO
(b) Goods satisfying the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Viet Nam and Cambodia (Non-wholly obtained) - Local Value Content - Change in Tariff Classification at four-digit level	Percentage of Viet Nam-Cambodia value content, example: LVC (40%) CTH
(c) Goods satisfying the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Viet Nam and Cambodia (Partial Cumulation)	"PC x%", where x would be the percentage of Viet Nam-Cambodia value content of less than 40%, example "PC 25%"

- EACH ARTICLE MUST QUALIFY: It should be noted that all the goods in a consignment must qualify separately in their own right. This is of particular relevance when similar articles of different sizes or spare parts are sent.
- DESCRIPTION OF PRODUCTS: The description of products must be sufficiently detailed to enable the products to be identified by the Customs Officers examining them. Name of manufacturer, any trade mark shall also be specified.
- HARMONISED SYSTEM NUMBER: The Harmonised System number shall be that of in ASEAN Harmonised Tariff Nomenclature (AHTN) Code of the importing Party.
- EXPORTER: The term "Exporter" in Box 11 may include the company or the manufacturer or the producer.
- FOR OFFICIAL USE: The Customs Authority of the importing Party must indicate (✓) in the relevant boxes in column 4 whether or not preferential treatment is accorded.
- MULTIPLE ITEMS: For multiple items declared in the same Form X, if preferential treatment is not granted to any of the items, this is also to be indicated accordingly in box 4 and the item number circled or marked appropriately in box 5.
- THIRD COUNTRY INVOICING: In cases where invoices are issued by a third country, "the Third Country Invoicing" box should be ticked (✓) and such information as name and country of the company issuing the invoice shall be indicated in box 7.
- ACCUMULATION: In cases where the originating materials in a Party are used in the other Party as materials for a finished good, in accordance with the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Viet Nam and Cambodia, the "Accumulation" box should be ticked (✓).
- PARTIAL CUMULATION (PC): If the Local Value Content of material is less than 40%, the Certificate of Origin (Form X) may be issued for cumulation purposes, in accordance with the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Viet Nam and Cambodia, the "Partial Cumulation" box should be ticked (✓).
- DE MINIMIS: if the value of all non-originating materials used in its production that do not undergo the required change in tariff classification does not exceed ten (10) percent of the FOB value of the goods, in accordance with the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Viet Nam and Cambodia, the "De Minimis" box should be ticked (✓).
- ISSUED RETROACTIVELY: Due to involuntary errors or omissions or other valid causes, the Certificate of Origin (Form X) may be issued retroactively, in accordance with the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Viet Nam and Cambodia, and the "Issued Retroactively" box should be ticked (✓).

**ARRANGEMENT
ON BILATERAL TRADE ENHANCEMENT
BETWEEN
THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
AND
THE GOVERNMENT OF THE KINGDOM OF CAMBODIA**

The Government of the Socialist Republic of Viet Nam and the Government of the Kingdom of Cambodia, hereinafter called “Contracting Parties”;

Referring to the Viet Nam - Cambodia Joint Statement between the Prime Minister of the Socialist Republic of Viet Nam and the Prime Minister of the Kingdom of Cambodia dated October 10th, 2005 in Ha Noi, which required Contracting Parties to accelerate the study on a proposal of preferential tariff policy on the goods and commodities of each respective country’s origin.

Recalling the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement between the Government of the Socialist Republic of Viet Nam and the Government of the Kingdom of Cambodia signed on June 2nd, 2023 in Ha Noi, and;

To further strengthen the cooperation on trade between the two countries, particularly on the bilateral trade in agricultural, industrial and fishery products in order to improve the living standards of the people and to contribute to the sustainable economic development of both countries;

Have agreed as follows:

Article 1

1.1. The lists of goods and commodities originating in a Contracting Party set in this Arrangement shall be granted special preferences when imported directly into the territory of the other Contracting Party.

1.2. Unless otherwise provided in this Arrangement, goods and commodities originating from a Contracting Party, when imported into the territory of the other Contracting Party, shall comply with the laws and regulations on exports and imports of the other Contracting Party as applied to regular goods traded across borders between the two countries.

Article 2

2.1. The goods and commodities originating in the Kingdom of Cambodia as listed in Annex I of this Arrangement, when imported into the territory of the Socialist Republic of Viet Nam, shall be granted a special preferential import duty of 0%. For rice and dried tobacco leaf, the tariff quota for special preferential import duty shall be stipulated in Article 3 and Article 4 of this Arrangement.

2.2. The goods and commodities originating in the Socialist Republic of Viet Nam listed in Annex II of this Arrangement, when imported into the territory of the Kingdom of Cambodia, shall be granted a special preferential import duty of 0%.

2.3. Unprocessed agricultural products which the Vietnamese invested and grew in the Kingdom of Cambodia, when imported into the territory of the Socialist Republic of Viet Nam, shall be regulated in accordance with the relevant laws and regulations of the Socialist Republic of Viet Nam and the relevant laws and regulations of the Kingdom of Cambodia without being included in the granted quotas stipulated in Article 3 and 4 of this Arrangement.

2.4. Agricultural products originating in the Kingdom of Cambodia, when imported into the territory of the Socialist Republic of Viet Nam by Vietnamese businessmen for the purpose of re-export to other market destinations, shall be regulated by the mechanism on temporary import for re-export of the Socialist Republic of Viet Nam, and regional or international agreements to which the Contracting Parties are signatories and not be included in the granted quotas stipulated in Article 3 and 4 of this Arrangement.

Article 3

For rice:

3.1. Rice as listed in Annex I of this Arrangement shall be granted special preferential import duty of 0% and be subject to quota.

3.2. The quotas of rice originating in the Kingdom of Cambodia which shall be granted special preferential import duty of 0% are as follows:

- in 2025: 300,000 metric tons of rice;
- in 2026: 300,000 metric tons of rice;

3.3. The Contracting Parties agreed on an exchange ratio of 2 kg of rice in husk equal to 1 kg of rice.

Article 4

For dried tobacco leaf:

4.1. Dried tobacco leaf as listed in Annex I of this Arrangement shall be granted special preferential import duty of 0% and be subject to quota.

4.2. The quotas of dried tobacco leaf originating in the Kingdom of Cambodia which shall be granted special preferential import duty of 0% are as follows:

- in 2025: 3,000 metric tons of dried tobacco leaf;
- in 2026: 3,000 metric tons of dried tobacco leaf;

Article 5

The Contracting Parties shall apply the HS codes as listed in Annex I, II in accordance to the ASEAN Harmonized Tariff Nomenclature (AHTN) 2022.

Article 6

Before 20th December of each year, the Contracting Parties shall verify the implementation of the granted quotas stipulated in Article 3 and 4. In case of actual imported quantities are less than the annual granted quotas, the Ministry of Commerce of the Kingdom of Cambodia may send a written letter to the Ministry of Industry and Trade of the Socialist Republic of Viet Nam to request for a permission to carry forward the remaining quotas to be implemented in the following year.

Article 7

The imports of dried tobacco leaf stipulated in Article 4 shall be implemented as follows:

7.1. In case the actual quantities of dried tobacco leaf imported into Viet Nam are within the quotas stipulated in paragraph 4.2 of Article 4 of this

Arrangement, such quantities shall be granted a special preferential import duty as provided in this Arrangement.

7.2. In case the actual quantities of dried tobacco leaf imported into Viet Nam exceed the quotas stipulated in paragraph 4.2 of Article 4 of this Arrangement but such quantities are still within the total quotas for tobacco leaf and in conformity with conditions provided in the existing legislations on tariff quota of the Socialist Republic of Viet Nam, the import duty, based on the existing preferential tariff schedule of the Socialist Republic of Viet Nam, shall be paid for the exceeding quantities.

7.3. In case the actual quantities of dried tobacco leaf imported into Viet Nam exceed quotas stipulated in paragraph 4.2 of Article 4 of this Arrangement and exceed the total quotas for tobacco leaf, or in case the imports are not in conformity with the existing legislations on tariff quota of the Socialist Republic of Viet Nam, the out-quota import duty, provided in the existing legislations of the Socialist Republic of Viet Nam, shall be paid for the exceeding quantities.

Article 8

For the goods and commodities under this Arrangement, excluding those stipulated in Article 3 and 4, when their imports have a sudden increase, causing serious injury to domestic industries of the importing Contracting Party, the importing Contracting Party shall reserve her rights to halt immediately the granting of preferences for those goods and commodities under this Arrangement and apply the tariff rates under the ASEAN Trade in Goods Agreement (ATIGA) or according to either Contracting Party's laws and regulations.

Article 9

9.1. The Certificate of Origin for the goods and commodities imported to the Socialist Republic of Viet Nam that are granted preferences as listed in Annex I of this Arrangement is the Certificate of Origin Form S. The Certificate of Origin Form S must be on ISO A4 size in conformity with specimen shown in Annex IV. It shall be made in the English language.

9.2. The Certificate of Origin for the goods and commodities imported to the Kingdom of Cambodia that are granted preferences as listed in Annex II of

this Arrangement is the Certificate of Origin Form X. The Certificate of Origin Form X must be on ISO A4 size in conformity with specimen shown in Annex V. It shall be made in the English language.

9.3. The Certificate of Origin issuing authorities for the goods and commodities granted preferences under this Arrangement are the Ministry of Industry and Trade of the Socialist Republic of Viet Nam and the Ministry of Commerce of the Kingdom of Cambodia respectively or an agency authorized by the Ministry of Industry and Trade of the Socialist Republic of Viet Nam or an agency authorized by the Ministry of Commerce of the Kingdom of Cambodia.

9.4. To facilitate the goods and commodities granted preferences under this Arrangement, the Ministry of Industry and Trade of the Socialist Republic of Viet Nam and the Ministry of Commerce of the Kingdom of Cambodia agreed to follow and apply appropriate provisions in the Chapter III on the Rule of Origin of the ASEAN Trade in Goods Agreement (ATIGA) and Annexes concerned.

9.5. For the purpose of facilitating the goods and commodities being granted with preferences under this Arrangement, the Ministry of Industry and Trade of the Socialist Republic of Viet Nam and the Ministry of Commerce of the Kingdom of Cambodia shall closely coordinate towards the recognition of the electronic certificates of origin and self-certification of origin of the other Contracting Party in the near future.

Article 10

10.1. The list of border checkpoints/gates for the clearance of importation and exportation of the goods and commodities being granted preferences under this Arrangement appears in Annex III of this Arrangement.

10.2. The list of border checkpoints/gates in Annex III shall be amended and supplemented by mutual agreement of both Contracting Parties and be considered as an integral part of this Arrangement.

Article 11

This Arrangement shall come into force on the date of signing this Arrangement and shall be expired on December 31st, 2026.



Article 12

12.1. Any discrepancy arising from the implementation of this Arrangement shall be constructively resolved by the Ministry of Industry and Trade of the Socialist Republic of Viet Nam and the Ministry of Commerce of the Kingdom of Cambodia through negotiation.

12.2. The Contracting Parties shall review and update Annex I and Annex II within 06 months or one year upon the consent of both Contracting Parties. The Contracting Parties shall also organize an annual meeting to review the implementation of this Arrangement.

Article 13

The Contracting Parties shall carry out all necessary tasks so that their respective competent Authorities are able to implement the commitments provided in this Arrangement.

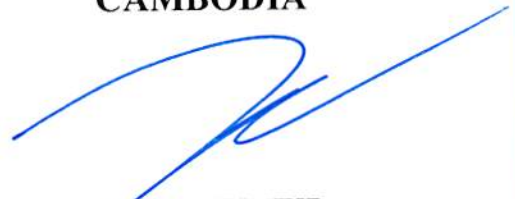
Done in Ha Noi on April 28th 2025, in duplicate in the Vietnamese, Khmer and English languages, all texts being equally authentic. In case of any divergence in interpretation, the English text shall prevail.

**FOR THE GOVERNMENT OF
THE SOCIALIST REPUBLIC OF
VIET NAM**



NGUYEN HONG DIEN
Minister of Industry and Trade

**FOR THE GOVERNMENT OF
THE KINGDOM OF
CAMBODIA**



CHAM NIMUL
Minister of Commerce

ANNEX I

LIST OF GOODS AND COMMODITIES
ORIGINATING IN THE KINGDOM OF CAMBODIA
GRANTED SPECIAL PREFERENTIAL IMPORT DUTY
BY THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

No	Tariff Code (AHTN 2022)	Description
	01.05	Live poultry, that is to say, fowls of the species <i>Gallus domesticus</i>, ducks, geese, turkeys and guinea fowls.
		- Weighing not more than 185 g:
	0105.11	- - Fowls of the species <i>Gallus domesticus</i> :
1	0105.11.90	- - - Other
	0105.99	- - Other:
2	0105.99.20	- - - Other ducks
	02.07	Meat and edible offal, of the poultry of heading 01.05, fresh, chilled or frozen.
		- Of fowls of the species <i>Gallus domesticus</i> :
3	0207.11.00	- - Not cut in pieces, fresh or chilled
4	0207.12.00	- - Not cut in pieces, frozen
5	0207.13.00	- - Cuts and offal, fresh or chilled
	0207.14	- - Cuts and offal, frozen:
6	0207.14.10	- - - Wings
7	0207.14.20	- - - Thighs
8	0207.14.30	- - - Livers
		- - - Other:
9	0207.14.91	- - - - Mechanically deboned or separated meat
10	0207.14.99	- - - - Other
	08.05	Citrus fruit, fresh or dried.
	0805.50	- Lemons (<i>Citrus limon</i> , <i>Citrus limonum</i>) and limes (<i>Citrus aurantifolia</i> , <i>Citrus latifolia</i>):
11	0805.50.10	- - Lemons (<i>Citrus limon</i> , <i>Citrus limonum</i>)
12	0805.50.20	- - Limes (<i>Citrus aurantifolia</i> , <i>Citrus latifolia</i>)
13	0805.90.00	- Other
	10.06	Rice.

No	Tariff Code (AHTN 2022)	Description
	1006.10	- Rice in the husk (paddy or rough):
14	1006.10.10	- - Suitable for sowing
15	1006.10.90	- - Other
	1006.20	- Husked (brown) rice:
16	1006.20.10	- - Hom Mali rice
17	1006.20.90	- - Other
	24.01	Unmanufactured tobacco; tobacco refuse.
	2401.10	- Tobacco, not stemmed/stripped:
18	2401.10.10	- - Virginia type, flue-cured
19	2401.10.20	- - Virginia type, other than flue-cured
20	2401.10.40	- - Burley type
21	2401.10.50	- - Other, flue-cured
22	2401.10.90	- - Other
	2401.20	- Tobacco, partly or wholly stemmed/stripped:
23	2401.20.10	- - Virginia type, flue-cured
24	2401.20.20	- - Virginia type, other than flue-cured
25	2401.20.30	- - Oriental type
26	2401.20.40	- - Burley type
27	2401.20.50	- - Other, flue-cured
28	2401.20.90	- - Other

ANNEX II

LIST OF GOODS AND COMMODITIES

ORIGINATING IN THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

GRANTED SPECIAL PREFERENTIAL IMPORT DUTY

BY THE KINGDOM OF CAMBODIA

No.	Tariff Code (AHTN 2022)	Description
	02.07	Meat and edible offal, of the poultry of heading 01.05, fresh, chilled or frozen.
		- Of fowls of the species <i>Gallus domesticus</i> :
1	0207.11.00	- - Not cut in pieces, fresh or chilled
2	0207.12.00	- - Not cut in pieces, frozen
3	0207.13.00	- - Cuts and offal, fresh or chilled
	0207.14	- - Cuts and offal, frozen:
4	0207.14.10	- - - Wings
5	0207.14.20	- - - Thighs
6	0207.14.30	- - - Livers
		- - - Other:
7	0207.14.91	- - - - Mechanically deboned or separated meat
		- Of ducks:
8	0207.41.00	- - Not cut in pieces, fresh or chilled
9	0207.42.00	- - Not cut in pieces, frozen
10	0702.00.00	Tomatoes, fresh or chilled.
	07.04	Cabbages, cauliflowers, kohlrabi, kale and similar edible brassicas, fresh or chilled.
	0704.10	- Cauliflowers and broccoli:
11	0704.10.20	- - Headed broccoli
	07.06	Carrots, turnips, salad beetroot, salsify, celeriac, radishes and similar edible roots, fresh or chilled.
	0706.10	- Carrots and turnips:
12	0706.10.20	- - Turnips
13	0706.90.00	- Other
14	0707.00.00	Cucumbers and gherkins, fresh or chilled.
	07.08	Leguminous vegetables, shelled or unshelled, fresh or chilled.
	0708.20	- Beans (<i>Vigna spp.</i> , <i>Phaseolus spp.</i>):

No.	Tariff Code (AHTN 2022)	Description
15	0708.20.10	- - French beans
16	0708.20.20	- - Long beans
17	0708.20.90	- - Other
	07.09	Other vegetables, fresh or chilled.
		- Other:
18	0709.93.00	- - Pumpkins, squash and gourds (<i>Cucurbita spp.</i>)
	08.04	Dates, figs, pineapples, avocados, guavas, mangoes and mangosteens, fresh or dried.
19	0804.30.00	- Pineapples
	0804.50	- Guavas, mangoes and mangosteens:
		- - Mangoes:
20	0804.50.21	- - - Fresh
21	0804.50.22	- - - Dried
22	0804.50.30	- - Mangosteens
	08.05	Citrus fruit, fresh or dried.
	0805.10	- Oranges:
23	0805.10.20	- - Dried
	08.07	Melons (including watermelons) and papaws (papayas), fresh.
		- Melons (including watermelons):
24	0807.11.00	- - Watermelons
25	0807.19.00	- - Other

ANNEX III

LIST OF BORDER CHECKPOINTS/GATES FOR THE CLEARANCE OF IMPORTATION AND EXPORTATION OF THE GOODS AND COMMODITIES GRANTED PREFERENCES

No	Socialist Republic of Viet Nam	Kingdom of Cambodia
1	Le Thanh (Gia Lai Province)	Ou Ya Dav (Ratanakiri Province)
2	Buprang (Dak Nong Province)	Dak Dam (Mondulkiri Province)
3	Dak Peur (Dak Nong Province)	Nam Lear (Mondulkiri Province)
4	Hoa Lu (Binh Phuoc Province)	Trapeang Sre (Kratie Province)
5	Hoang Dieu (Binh Phuoc Province)	Lapakhe (Mondulkiri Province)
6	Loc Thinh (Binh Phuoc Province)	Tonle Cham (Tboung Khmum Province)
7	Moc Bai (Tay Ninh Province)	Bavet (Svay Rieng Province)
8	Xa Mat (Tay Ninh Province)	Trapeang Plong (Tboung Khmum Province)
9	Chang Riec (Tay Ninh Province)	Da (Tboung Khmum Province)
10	Ka Tum (Tay Ninh Province)	Chan Mul (Tboung Khmum Province)
11	Phuoc Tan (Tay Ninh Province)	Bosmon (Svay Rieng Province)
12	Vac Sa (Tay Ninh Province)	Doun Rodth (Tboung Khmum Province)
13	Tan Nam (Tay Ninh Province)	Meun Chey (Prey Veng Province)
14	Binh Hiep (Long An Province)	Prey Vor (Svay Rieng Province)
15	My Quy Tay (Long An Province)	Samrong (Svay Rieng Province)
16	Dinh Ba (Dong Thap Province)	Banteay Chakrey (Prey Veng Province)
17	Thuong Phuoc (Dong Thap Province)	Koh Roka (Prey Veng Province)
18	Vinh Xuong (An Giang Province)	Ka-Orm Samnor (Kandal Province)
19	Tinh Bien (An Giang Province)	Phnom Den (Takeo Province)
20	Khanh Binh (An Giang Province)	Chrey Thom (Kandal Province)
21	Vinh Hoi Dong (An Giang Province)	Kampong Krosang (Takeo Province)
22	Ha Tien (Kien Giang Province)	Prek Chak (Kampot Province)
23	Giang Thanh (Kien Giang Province)	Ton Hon (Kampot Province)

ANNEX IV

CERTIFICATE OF ORIGIN FORM S

Original/Duplicate/Triplicate/Quadruplicate

ORIGINAL

1. Goods consigned from (Exporter's business name, address, country) 2. Goods consigned to (Consignee's name, address, country)			Reference No. THE ARRANGEMENT ON BILATERAL TRADE ENHANCEMENT OF CAMBODIA AND VIETNAM CERTIFICATE OF ORIGIN (Combined Declaration and Certificate) FORM S Issued in CAMBODIA See Overleaf Notes		
3. Means of transport and route (as far as known) Departure date Truck's name/Aircraft etc. Port of Discharge			4. For Official Use ☐ Preferential Treatment Given Under the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Cambodia and Vietnam ☐ Preferential Treatment Not Given (Please state reason/s) Signature of Authorised Signatory of the Importing Country		
5. Item Number	6. Marks and numbers on packages	7. Number and type of packages, description of goods (including quantity where appropriate and IHS number of the importing country at 8 digit)	8. Origin criterion (see Notes overleaf)	9. Gross weight or other quantity and value (FOB)	10. Number and date of invoices
11. Declaration by the exporter The undersigned hereby declares that the above details and statements are correct; that all the goods were produced in CAMBODIA and that they comply with the origin requirements specified for these goods in the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Cambodia and Vietnam for the goods exported to VIETNAM Place and date, signature of authorised signatory			12. Certification It is hereby certified, on the basis of control carried out, that the declaration by the exporter is correct. Place and date, signature and stamp of certifying authority		
13. ☐ Third-Country Invoicing ☐ Accumulation ☐ Partial Cumulation			☐ Exhibition ☐ De Minimis		

OVERLEAF NOTES

1. Parties which accept this form for the purpose of preferential treatment under the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Cambodia and Vietnam.

KINGDOM OF CAMBODIA

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

2. **CONDITIONS:** The main conditions for admission to the preferential treatment under the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Viet Cambodia and Viet Nam are that goods sent to any Party listed above must:
 - (i) fall within a description of products eligible for concessions in the Socialist Republic of Vietnam;
 - (ii) comply with the consignment conditions in accordance with the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Cambodia and Vietnam and
 - (iii) comply with the origin criteria set out in the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Cambodia and Vietnam.
3. **ORIGIN CRITERIA:** For goods that meet the origin criteria, the exporter and/or producer must indicate in Box 8 of this Form, the origin criteria met, in the manner shown in the following table:

Circumstances of production or manufacture in the first country named in Box 11 of this form	Insert in Box 8
(a) Goods satisfying the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Cambodia and Viet Nam (wholly obtained or produced in the exporting Party)	WO
(b) Goods satisfying the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Cambodia and Viet Nam (Non-wholly obtained)	
• Local Value Content	Percentage of Cambodia-Vietnam value content, example: LVC (40%)
• Change in Tariff Classification at four-digit level	CTH
(c) Goods satisfying the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Cambodia and Vietnam (Partial Cumulation)	"PC x%", where x would be the percentage of Cambodia-Vietnam value content of less than 40%, example "PC 25%"

4. **EACH ARTICLE MUST QUALIFY:** It should be noted that all the goods in a consignment must qualify separately in their own right. This is of particular relevance when similar articles of different sizes or spare parts are sent.
5. **DESCRIPTION OF PRODUCTS:** The description of products must be sufficiently detailed to enable the products to be identified by the Customs Officers examining them. Name of manufacturer, any trade mark shall also be specified.
6. **HARMONISED SYSTEM NUMBER:** The Harmonised System number shall be that of in ASEAN Harmonised Tariff Nomenclature (AHTN) Code of the importing Party.
7. **EXPORTER:** The term "Exporter" in Box 11 may include the company or the manufacturer or the producer.
8. **FOR OFFICIAL USE:** The Customs Authority of the importing Party must indicate (✓) in the relevant boxes in column 4 whether or not preferential treatment is accorded.
9. **MULTIPLE ITEMS:** For multiple items declared in the same Form S, if preferential treatment is not granted to any of the items, this is also to be indicated accordingly in box 4 and the item number circled or marked appropriately in box 5.
10. **THIRD COUNTRY INVOICING:** In cases where invoices are issued by a third country, "the Third Country Invoicing" box should be ticked (✓) and such information as name and country of the company issuing the invoice shall be indicated in box 7.
11. **EXHIBITIONS:** In cases where goods are sent from the territory of the exporting Party for exhibition in another Party and sold during or after the exhibition for importation into the territory of such Party, in accordance with the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Cambodia and Vietnam, the "Exhibitions" box should be ticked (✓) and the name and address of the exhibition indicated in box 2.
12. **ACCUMULATION:** In cases where the originating materials in a Party are used in the other Party as materials for a finished good, in accordance with the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Cambodia and Vietnam, the "Accumulation" box should be ticked (✓).
13. **PARTIAL CUMULATION (PC):** If the Local Value Content of material is less than 40%, the Certificate of Origin (Form S) may be issued for cumulation purposes, in accordance with the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Cambodia and Vietnam, the "Partial Cumulation" box should be ticked (✓).
14. **DE MINIMIS:** If the value of all non-originating materials used in its production that do not undergo the required change in tariff classification does not exceed ten (10) percent of the FOB value of the goods, in accordance with the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Cambodia and Vietnam, the "De Minimis" box should be ticked (✓).

ANNEX V
CERTIFICATE OF ORIGIN FORM X
Original/Duplicate/Triplicate

1. Goods consigned from (Exporter's business name, address, country)			Reference No. THE ARRANGEMENT ON BILATERAL TRADE ENHANCEMENT OF VIET NAM AND CAMBODIA CERTIFICATE OF ORIGIN (Combined Declaration and Certificate) FORM X Issued in VIET NAM See Overleaf Notes			
2. Goods consigned to (Consignee's name, address, country)						
3. Means of transport and route (as far as known) Departure date Vessel's name/Aircraft etc. Port of Discharge			4. For Official Use ☐ Preferential Treatment Given Under the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Viet Nam and Cambodia ☐ Preferential Treatment Not Given (Please state reason/s) Signature of Authorised Signatory of the Importing Country			
5. Item number	6. Marks and numbers on packages	7. Number and type of packages, description of goods (including quantity where appropriate and HS number of the Importing Country at 8 digit)	8. Origin criterion (see Overleaf Notes)	9. Gross weight or other quantity and value (FOB)	10. Number and date of invoices	
11. Declaration by the exporter The undersigned hereby declares that the above details and statement are correct; that all the goods were produced in VIET NAM and that they comply with the origin requirements specified for these goods in the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Viet Nam and Cambodia for the goods exported to CAMBODIA Place and date, signature of authorised signatory			12. Certification It is hereby certified, on the basis of control carried out, that the declaration by the exporter is correct. Place and date, signature and stamp of certifying authority			
13. ☐ Third Country Invoicing ☐ De Minimis ☐ Accumulation ☐ Issued Retroactively ☐ Partial Cumulation						

OVERLEAF NOTES

- Parties which accept this form for the purpose of preferential treatment under the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Viet Nam and Cambodia

KINGDOM OF CAMBODIA

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

- CONDITIONS: The main conditions for admission to the preferential treatment under the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Viet Nam and Cambodia are that goods sent to any Party listed above must:

- fall within a description of products eligible for concessions in the Kingdom of Cambodia;
- comply with the consignment conditions in accordance with the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Viet Nam and Cambodia and
- comply with the origin criteria set out in the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Viet Nam and Cambodia.

- ORIGIN CRITERIA: For goods that meet the origin criteria, the exporter and/or producer must indicate in Box 8 of this Form, the origin criteria met, in the manner shown in the following table:

Circumstances of production or manufacture in the first country named in Box 11 of this form	Insert in Box 8
(a) Goods satisfying the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Viet Nam and Cambodia (wholly obtained or produced in the exporting Party)	WO
(b) Goods satisfying the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Viet Nam and Cambodia (Non-wholly obtained) - Local Value Content - Change in Tariff Classification at four-digit level	Percentage of Viet Nam-Cambodia value content, example: LVC (40%) CTH
(c) Goods satisfying the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Viet Nam and Cambodia (Partial Cumulation)	"PC x%", where x would be the percentage of Viet Nam-Cambodia value content of less than 40%, example "PC 25%"

- EACH ARTICLE MUST QUALIFY: It should be noted that all the goods in a consignment must qualify separately in their own right. This is of particular relevance when similar articles of different sizes or spare parts are sent.
- DESCRIPTION OF PRODUCTS: The description of products must be sufficiently detailed to enable the products to be identified by the Customs Officers examining them. Name of manufacturer, any trade mark shall also be specified.
- HARMONISED SYSTEM NUMBER: The Harmonised System number shall be that of in ASEAN Harmonised Tariff Nomenclature (AHTN) Code of the importing Party.
- EXPORTER: The term "Exporter" in Box 11 may include the company or the manufacturer or the producer.
- FOR OFFICIAL USE: The Customs Authority of the importing Party must indicate (✓) in the relevant boxes in column 4 whether or not preferential treatment is accorded.
- MULTIPLE ITEMS: For multiple items declared in the same Form X, if preferential treatment is not granted to any of the items, this is also to be indicated accordingly in box 4 and the item number circled or marked appropriately in box 5.
- THIRD COUNTRY INVOICING: In cases where invoices are issued by a third country, "the Third Country Invoicing" box should be ticked (✓) and such information as name and country of the company issuing the invoice shall be indicated in box 7.
- ACCUMULATION: In cases where the originating materials in a Party are used in the other Party as materials for a finished good, in accordance with the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Viet Nam and Cambodia, the "Accumulation" box should be ticked (✓).
- PARTIAL CUMULATION (PC): If the Local Value Content of material is less than 40%, the Certificate of Origin (Form X) may be issued for cumulation purposes, in accordance with the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Viet Nam and Cambodia, the "Partial Cumulation" box should be ticked (✓).
- DE MINIMIS: If the value of all non-originating materials used in its production that do not undergo the required change in tariff classification does not exceed ten (10) percent of the FOB value of the goods, in accordance with the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Viet Nam and Cambodia, the "De Minimis" box should be ticked (✓).
- ISSUED RETROACTIVELY: Due to involuntary errors or omissions or other valid causes, the Certificate of Origin (Form X) may be issued retroactively, in accordance with the Arrangement on Bilateral Trade Enhancement of Viet Nam and Cambodia, and the "Issued Retroactively" box should be ticked (✓).